TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 5 - 2018
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc Điệp

Ông Võ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 17 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 289/2018/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2018 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/5/2018 giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh **Cao Văn T** – sinh năm 1991 (có mặt)

Trú tại: Ấp 4, xã X, thành phố C, tỉnh C.

- *Bị đơn:* Chị **Đào Kim T1** - sinh năm 1994 (có mặt)

Trú tại: Ấp H, xã X, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Anh Cao Văn T trình bày như sau:

Hôn nhân: Tôi và chị T1 kết hôn với nhau vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố C, tỉnh C. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 8/2017 (âm lịch) thì chị T1 tự ý bỏ về nhà của ngoại ruột chị T1 ở, nguyên nhân chị T1 cho rằng do tôi nói nhiều. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với chị T1.

Con chung: Không có

Tài sản chung: Trong ngày cưới, gia đình tôi có cho 01 dây chuyền vàng trọng lượng 02 chỉ 24K, 01 lắc tay trọng lượng 02 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai trọng lượng 07 phân vàng 18K. Khi chị T1 bỏ nhà đi, sau đó chị T1 giao lại cho tôi quản lý, tôi đã bán toàn bộ số vàng này để trả nợ riêng của tôi và tiêu xài cá nhân hết. Nay tôi đồng ý giao trả lại cho chị T1 đôi bông tai bằng 07 phân vàng 18K, còn 04 chỉ vàng 24K tôi không đồng ý phân chia.

Nợ chung: Không có.

- Chị Đào Kim T1 trình bày:

Hôn nhân: Về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn đúng như anh T trình bày. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, khoảng hơn 02 tháng sau khi kết hôn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chúng tôi bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do anh T có tính ích kỹ, không

quan tâm đến vợ nên tôi đã bỏ về nhà bà ngoại ruột sống từ tháng 8 năm 2017 âm lịch. Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu anh T.

Con chung: Không có.

Tài sản chung: Có 01 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 02 chỉ, 01 lắc tay vàng 24K trọng lượng 02 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 18K trọng lượng 07 phân, tài sản trên vợ chồng có được do cha mẹ cho trong ngày cưới. Khi tôi bỏ về nhà ngoại ruột sống tôi giao lại cho anh T quản lý. Tôi đồng ý nhận lại đôi bông tai trọng lượng 07 phân vàng 18K, còn lại 04 chỉ vàng 24K tôi yêu cầu chia đôi, mỗi người 1/2.

Nợ chung: Tôi xác định không nợ ai và không ai nợ lại.

NHẬN ĐNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về hôn nhân: Anh T với chị T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố C, tỉnh C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ.

Thấy rằng, trong khoảng thời gian chung sống với nhau, giữa anh T với chị T1 có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà vợ chồng không thể hàn gắn với nhau được. Tại phiên tòa anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị T1, ngược lại chị T1 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Theo lời trình bày của anh chị về mâu thuẫn vợ chồng như nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa anh T với chị T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của anh T về việc được ly hôn với chị T1.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung: Anh T, chị T1 đều xác định vợ chồng được cha mẹ cho trong ngày cưới gồm 04 chỉ vàng 24K, và 07 phân vàng 18K. Số tài sản trên khi chị T1 bỏ đi, chị T1 giao lại cho anh T quản lý toàn bộ.

Tại phiên tòa anh T đồng ý giao lại cho chị T1 07 phân vàng 18K, chị T1 đồng ý nhận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đối với số vàng còn lại 04 chỉ vàng 24K anh T quản lý, chị T1 yêu cầu phân chia. Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T với chị T1 đều xác định đây là tài sản vợ chồng có được do cha mẹ cho trong ngày cưới, ngoài tài sản này thì vợ chồng không tạo lập được thêm tài sản nào khác. Như vậy theo quy định tại Điều 33 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình, 04 chỉ vàng 24K cha mẹ cho là tài sản chung của anh T, chị T1, và về nguyên tắc giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn phải chia đôi, tức mỗi người được nhận 1/2, vì vậy xét yêu cầu của chị T1 về việc yêu cầu chia đôi 04 chỉ vàng 24K với anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nợ chung: Không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình, anh T phải chịu theo quy định. Án phí phân chia tài sản anh T, chị T1 phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 56, 33 và 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn T.

Về hôn nhân: Anh Cao Văn T được ly hôn với chị Đào Kim T1.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Tài sản chung: Gồm 04 chỉ vàng 24K do anh T quản lý, anh T được nhận 02 chỉ vàng 24K. Anh T có nghĩa vụ giao lại cho chị T1 02 chỉ vàng 24K.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T về việc giao trả lại cho chị T1 07 phân vàng 18K.

Về nợ chung: Không xem xét.

- Án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Cao Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 02/4/2018 anh T đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai thu tiền số 0000580 nên được chuyển thu án phí.

Án phí phân chia tài sản anh T phải chịu 350.000 đồng (chưa nộp). Chị T1 phải chịu 350.000 đồng (chưa nộp)

Án xử sơ thẩm, anh T, chị T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tp.CM;
- Chi cục THADS tp.CM;
- UBND xã X, tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)

Phạm Việt Trung